

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **251/2022/KDTM-PT**

Ngày: 18/5/2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Công Toại**

*Các Thẩm phán:*

Bà **Lê Thị Tuyết Trinh**

Bà **Lưu Thị Đoan Trang**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Lương Thị Thu Trinh**, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Bảo Trân**, Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2022/TLPT-KDTM ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/KDTM-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1208/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 4459/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP CT;**

Địa chỉ: Số 108 quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Quách V;**

Địa chỉ liên lạc: Số 144A, Tỉnh lộ 8, khu phố 2, huyện V, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 18/02/2019 và ngày 18/10/2021).

*Bị đơn:* **Công ty Cổ phần CN;**

Địa chỉ: Số 146, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Đàm T;**

Địa chỉ liên lạc: Số 6, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội (Giấy ủy quyền ngày 17/5/2022).

*Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần CN.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm:

### **Nguyên đơn trình bày:**

- Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 037/2016-HĐTDHM/NHCT948-DESCON ngày 20/12/2016 và các Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng ngày 01/8/2017, 09/01/2018, 27/4/2018 được ký kết giữa Nguyên đơn và Bị đơn.

- Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 024/2018-HĐCVHM/NHCT948-DESCON ngày 22/6/2018 được ký kết giữa Nguyên đơn và Bị đơn.

- Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 038/2016-HĐTDHM/NHCT948-CNDESCONTAYNINH ngày 20/12/2016 và các Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng ngày 01/8/2017, 01/3/2018 được ký kết giữa Nguyên đơn và Bị đơn.

Công ty CN bắt đầu quan hệ tín dụng với Ngân hàng từ tháng 10/2015, lần tái cấp giới hạn tín dụng gần nhất là tháng 4/2018. Trong quá trình quan hệ tín dụng, Công ty CN đã nhiều lần không thanh toán nợ đúng hạn.

Khoản nợ vay của Công ty CN tại Ngân hàng đã quá hạn từ ngày 25/7/2018 và chuyển nợ xấu từ ngày 14/10/2018. Theo Biên bản làm việc ngày 31/7/2019, Công ty CN xác nhận với Ngân hàng giá trị các khoản nợ gốc, lãi tính đến ngày 31/7/2019 như sau: Dư nợ gốc là 335.814.871.686 đồng; nợ lãi trong hạn là 34.176.171.054 đồng; nợ lãi quá hạn là 11.592.153.259 đồng. Tổng dư nợ là 381.583.195.999 đồng.

Kể từ khi Công ty CN phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng cũng đã nhiều lần thông báo yêu cầu Công ty CN trả các khoản nợ quá hạn nhưng Công ty CN không thực hiện.

Dư nợ tạm tính đến ngày 26/02/2021 của Công ty CN là 450.083.317.401 đồng, trong đó: Tổng nợ gốc quá hạn là 331.979.390.055 đồng; tổng nợ lãi trong hạn là 82.399.907.871 đồng; tổng nợ lãi quá hạn là 35.704.019.475 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty CN phải trả ngay toàn bộ các khoản nợ vay tạm tính đến ngày 26/02/2021 bao gồm: Tổng nợ gốc quá hạn là 331.979.390.055 đồng; tổng nợ lãi trong hạn là 82.399.907.871 đồng; tổng nợ lãi quá hạn là 35.704.019.475 đồng. Tổng cộng số tiền là 450.083.317.401 đồng.

Công ty CN phải tiếp tục trả tiền lãi, phí, lãi phạt phát sinh theo quy định tại Hợp đồng tín dụng cho Nguyên đơn kể từ ngày 26/02/2021 cho đến khi trả hết số nợ vay.

**Bị đơn Công ty CN:** Đã được Tòa án tổng đạt Thông báo Thụ lý vụ án số 8/TB-TLVA ngày 18/3/2021 vào các ngày 06/4/2021 và ngày 12/4/2021 nhưng Bị đơn không có ý kiến. Tòa án tổng đạt các Thông báo về phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Bị đơn đều vắng mặt.

Tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 12/11/2021 và Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 12/11/2021, đại diện Nguyên đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, đưa vụ án ra xét xử, căn cứ khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại Đơn xin hoãn phiên tòa sơ thẩm ngày 03/12/2021, ông Phan H là người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn xin hoãn phiên tòa ngày 09/12/2021 để tạo điều kiện cho Bị đơn gặp gỡ Nguyên đơn hòa giải tìm giải pháp giải quyết vụ án. Ngày 13/12/2021, Tòa án đã tạo điều kiện để ông Quách V và ông Phan H gặp nhau tại Tòa án, nhưng hai bên không có thỏa thuận được, Tòa án đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa số 366/2021/QĐST-DS ngày 09/12/2021 cho các đương sự.

**Tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Nguyên đơn yêu cầu:

Buộc Công ty CN phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 31/12/2021 gồm: Tổng nợ gốc là 331.965.390.055 đồng, tổng nợ lãi vay là 108.143.556.221 đồng, tổng lãi phạt quá hạn là 48.575.842.471 đồng, tổng cộng số tiền là 488.684.788.747 đồng, thi hành khi án có hiệu lực pháp luật.

Công ty CN phải tiếp tục trả tiền lãi, phí, lãi phạt phát sinh theo quy định tại Hợp đồng tín dụng cho Nguyên đơn kể từ ngày 31/12/2021 cho đến khi trả hết số nợ vay.

- Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/KDTM-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện V, tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn

+ Buộc Công ty CN phải trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP CT số tiền tổng nợ gốc, tổng nợ lãi vay và tổng lãi phạt quá hạn tính đến ngày 31/12/2021 là 488.684.788.747 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Công ty CN phải tiếp tục trả tiền lãi, phí, lãi phạt phát sinh theo quy định tại Hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng TMCP CT kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ vay.

- Án phí sơ thẩm:

+ Công ty CN phải nộp 596.684.789 đồng.

+ Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP CT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 279.041.659 đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0085808 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự và việc thi hành án theo quy định.

Ngày 25/01/2022 (theo dấu Bưu điện) Bị đơn CN nộp đơn kháng cáo. Lý do: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn diện các vấn đề của vụ án liên quan đến nợ gốc, tiền lãi và tiền phạt đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn; bản án sơ thẩm đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Đại diện Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của Bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Bị đơn trình bày: Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Do Bị đơn vắng mặt ở Tòa án cấp sơ thẩm, chưa có cơ hội gặp gỡ Nguyên đơn để thỏa thuận hòa giải về các khoản tiền lãi. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cho tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm trong khoảng thời gian nhất định để Bị đơn có thời gian hòa giải với Nguyên đơn và trong lần xét xử tiếp theo Bị đơn sẽ chấp hành đúng quy định của pháp luật. Trường hợp Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị tạm ngừng phiên tòa, Bị đơn xin phép rời khỏi phòng xét xử, không trình bày về yêu cầu kháng cáo và tranh luận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - Bà Nguyễn Thị Bảo Trân - Kiểm sát viên, phát biểu có nội dung chính như sau: Nhận thấy Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện được quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đại diện Nguyên đơn và phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Nguyên đơn thừa nhận nội dung trình bày của đương sự được ghi nhận trong bản án sơ thẩm là đúng; trong giai đoạn phúc thẩm các đương sự không bổ sung tài liệu, chứng cứ mới. Xét, Tòa án nhân dân huyện V, thụ lý giải quyết *tranh chấp về hợp đồng tín dụng*, giữa Nguyên đơn với Bị đơn là đúng trình tự, thủ tục thẩm quyền. Sau khi xét xử sơ thẩm, Bị đơn nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên đơn kháng cáo hợp lệ.

Ông Đàm T, đại diện Bị đơn, sau khi đề nghị tạm ngừng phiên tòa không được Hội đồng xét xử chấp nhận, đã tự ý rời khỏi phòng xét xử ra về, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật;

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án nhưng Bị đơn không chỉ ra được Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm gì theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; mặt khác xét về nội dung vụ án, căn cứ vào các Hợp đồng tín dụng do các bên ký kết là hợp pháp; trong thời gian thực hiện hợp

đồng, Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Nguyên đơn chuyển nợ gốc sang nợ lãi quá hạn là đúng theo sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng; Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Bị đơn thanh toán nợ vay, không yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ; Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét, không có căn cứ để Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo của Bị đơn hoặc sửa bản án theo quy định pháp luật. Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 306 Luật Thương mại; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/KDTM-ST ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

#### ***Xử:***

##### **1/. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn**

+ Buộc Công ty CN phải trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP CT số tiền tổng nợ gốc, tổng nợ lãi vay và tổng lãi phạt quá hạn tính đến ngày 31/12/2021 là **488.684.788.747** (*bốn trăm tám mươi tám tỷ, sáu trăm tám mươi bốn triệu, bảy trăm tám mươi tám ngàn, bảy trăm bốn mươi bảy*) **đồng** ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Công ty CN phải tiếp tục trả tiền lãi, phí, lãi phạt phát sinh theo quy định tại Hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng TMCP CT kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ vay.

##### **2/. Án phí sơ thẩm:**

+ Buộc Công ty CN phải nộp **596.684.789** (*năm trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn bảy trăm tám mươi chín*) **đồng**.

+ Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP CT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **279.041.659** (*hai trăm bảy mươi chín triệu không trăm bốn mươi một ngàn sáu trăm năm mươi chín*) **đồng** theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0085808 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, Thành phố Hồ Chí Minh.

##### **3/. Án phí phúc thẩm:**

Công ty CN phải chịu 2.000.000 (*hai triệu*) **đồng**, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (*hai triệu*) **đồng**, theo Biên lai thu số AA/2021/0043884 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/. Các đương sự thực hiện thanh toán tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Công Toại**